

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12-5-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Luân

2. Ông Trần Đăng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc: " Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị C, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Trần Nam T, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Nam T kết hôn cùng nhau là do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội vào ngày 01-7-2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, hay xảy ra cãi nhau, anh T nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng không có việc đó. Mâu

thuần trầm trọng nhất vào tháng 3 năm 2021, đôi bên không khắc phục được đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Hưng Hà giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Nam T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị C kết hôn cùng nhau là do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội vào ngày 01-7-2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 4 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, anh nghi ngờ chị C có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh đã khuyên bảo nhưng chị C không sửa đổi. Mâu thuẫn trầm trọng, đôi bên không khắc phục được đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị C có đơn xin ly hôn anh không nhất trí vì anh và chị C chưa thỏa thuận được về tài sản chung.

Về nuôi con chung: Anh và chị C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Anh và chị C có xây dựng được 01 ngôi nhà lợp tôn vào năm 2019 trên diện tích đất khoảng 150 m² chị C đã mua của bố mẹ đẻ chị C trước khi kết hôn ở tại thôn N, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội nhưng tiền mua đất sau khi cưới xong do anh và chị C trả nợ. Trị giá ngôi nhà khoảng 300.000.000 đồng; các đồ dùng khác ti vi, máy giặt trị giá là 20.000.000 đồng. Hiện nay những tài sản này do chị C đang quản lý. Chị C có cho anh T là cháu chị C ở xã S vay số tiền 50.000.000 đồng, cháu Tiến chưa trả cho anh và chị C; Anh và chị C có vay của em trai anh là Trần Văn C ở thôn H, xã H1 số tiền 20.000.000 đồng. Trước khi anh và chị C kết hôn anh có vay của Ngân hàng FE số tiền 50.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị C ly hôn anh đề nghị Tòa án chia đôi số tài sản có và khoản nợ, yêu cầu chị C phải thanh toán cho anh 1/2 giá trị chênh lệch tài sản và anh nhường chị C sử dụng toàn bộ nhà, đất và các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình thì anh mới nhất trí ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá

trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, chị C và anh T đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Đỗ Thị C được ly hôn anh Trần Nam T; về nuôi con chung: Không giải quyết.; về chia tài sản chung: Không giải quyết; về án phí: Chị C phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:* Chị Đỗ Thị C khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Trần Nam T, anh T có địa chỉ tại thôn H, xã H1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Đỗ Thị C kết hôn với anh Trần Nam T tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội vào ngày 01-7-2017, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa thuận, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bao ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau, chị C và anh T không khắc phục được đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng chị C và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị C, xử cho chị C được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị C và anh T không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] *Về chia tài sản:* Chị C trình bày vợ chồng chị tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản ghi lời khai ngày 04-4-2022 và tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 28-4-2022, anh T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận phân chia về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết; tại phiên tòa anh T trình bày về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng và đề nghị phân chia tài sản. Hội đồng xét xử thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh T trình bày về tài sản chung nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết về

quan hệ tài sản chung, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ anh T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tại phiên tòa anh T mới yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản như vậy là vượt quá yêu cầu theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu về chia tài sản chung của chị C và anh T tại phiên tòa này, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự. Chị C và anh T có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Chị C phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị C và anh Trần Nam T.

2. *Về nuôi con chung*: Không có.

3. *Về chia tài sản chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003590 ngày 04-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị C đã nộp đủ tiền án phí).

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Đỗ Thị C và anh Trần Nam T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã T, H. Sóc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy

